TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA

Bản án số: **01**/2021/HS-ST
Ngày: 12-01-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Lê Trường Hải**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chung**
Ông **Nguyễn Lơn**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Kim Kúc** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **Ngô Bảo Nhật Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2020/QĐHPT-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

- Trần Duy T - sinh ngày 17/9/2002; Nơi sinh: Ninh Hòa, Khánh Hòa; Nơi cư trú: tổ dân phố P, phường Ninh T, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa: Nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Minh S - sinh năm 1973 và bà: Trần Thị Tuyết N - sinh năm 1972; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- *Bị hại:* Ông **Nguyễn Hữu L** - sinh năm 1957.
Nơi cư trú: tổ dân phố 2 Đ, phường Ninh H, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
Ông **Trần Minh S**, bà **Trần Thị Tuyết N**
Cùng nơi cư trú: tổ dân phố P, phường Ninh T, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Đều có mặt.

- *Người làm chứng:* Các ông **Nguyễn Hữu N**, **Lê Trọng H**. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/6/2020, Trần Duy T mượn xe mô tô của mẹ là bà Trần Thị Tuyết N điều khiển đến nhà ông Trần Minh H ở tổ dân phố B, phường Ninh T, thị xã Ninh Hòa ăn đám giỗ. Đến 12 giờ cùng ngày, T nhìn thấy xe mô tô hiệu Sirius biển số 79H1-388.91 của ông Nguyễn Hữu L đang dựng ở đường luồng bên nhà ông H có cắm sẵn chìa khóa. Nảy sinh ý định chiếm đoạt, T lợi dụng lúc không ai để ý đã mở khóa, nổ máy xe điều khiển đem đi giấu, sau đó T đi bộ quay lại nhà ông H lấy xe mô tô của mình đi về. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T mang tua vít, cờ lê đến chỗ giấu xe trộm cắp tháo biển số và yếm xe rồi điều khiển đến tiệm hàn gió đá bên đường nhờ làm bô xe to ra để người khác không phát hiện. Ngày 26/6/2020, T đem xe đến gửi nhà bạn là Nguyễn Hữu N ở tổ dân phố P, phường Ninh D. Khi bị Công an phường Ninh T phát hiện thì T đã giao nộp lại tài sản trộm cắp.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 17/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Ninh Hòa kết luận xe mô tô biển số 79H1-388.91 có giá trị là 15.202.600 đồng.

Tại bản cáo trạng số 67/CT-VKS-HS ngày 10/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố bị cáo Trần Duy T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như nội dung đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng vị đại diện Viện kiểm sát đã truy tố. Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65, 90, 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì nên không xem xét. Về vật chứng: xe mô tô đã được cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu, các vật chứng khác gồm 01 tua vít và 01 cờ lê không có giá trị nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Tân nói lời nói sau cùng có nội dung cụ thể như sau: "*Bị cáo hối hận xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo được đi học chuộc lại lỗi lầm của mình* ".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Ninh Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt đến lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Duy T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 24/6/2020, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển số 79H1-388.91 của ông Nguyễn Hữu L. Theo bản định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 17/8/2020 kết luận xe mô tô biển số 79H1-388.91 có giá trị là 15.202.600 đồng. Như vậy, khẳng định cáo trạng số 67/CT-VKS ngày 10/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố bị cáo Trần Duy T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sự sơ hở của bị hại để chiếm đoạt tài sản nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu của cá nhân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên khi đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vì trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người phạm tội tự nguyện sửa chửa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các tình tiết này được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (dưới 18 tuổi) nhận thức pháp luật còn hạn chế; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Có nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng Điều 65, 90, 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung tội phạm.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: 01 (một) cờ lê dài 10cm có ghi số 10 và 14 đã qua sử dụng; 01 (một) tua vít dài 23cm, có cán dài 10cm màu trắng xanh, đã qua sử dụng không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về ý kiến của vị Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65, 90, 91, 101 Bộ luật hình sự, hình phạt áp dụng đối với bị cáo, về trách nhiệm dân sự và vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Về tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm h khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy tài sản bị chiếm đoạt đã được Hội đồng định giá tài sản kết luận có giá trị là 15.202.600đ nên không áp dụng tình tiết này đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65, 90, 91, 101 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 106, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo **Trần Duy T 06** (sáu) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12** tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Ninh T, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cờ lê dài 10cm có ghi số 10 và 14 đã qua sử dụng; 01 (một) tua vít dài 23cm, có cán dài 10cm màu trắng xanh, đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/11/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa và Cơ quan điều tra công an thị xã Ninh Hòa.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Duy T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo**:** Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Tòa án nhân dân Tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa.
- Công an thị xã Ninh Hòa;
- Thi hành án Hình sự thị xã Ninh Hòa.
- Chi cục THA DS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
đã ký

Lê Trường Hải